TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 658/2025/DS-PT Ngày: 18/11/2025 V/v *"Tranh chấp hợp mua bán tài sản"*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Tuyết Mai.

Các Thẩm phán: Bà Võ Bích Hải.

Ông Trần Nam Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tấn Phát – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần thơ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 18 tháng 11 năm 2025 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 97/2025/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cần Thơ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 646/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Thạch N, sinh năm 1959.

Địa chỉ: A N, khóm D, phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là 148 N, khóm D, phường S, thành phố Cần Thơ).

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Kim N1, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: 7 L, khóm D, phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là 7 L, khóm D, phường S, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Kiên Minh T, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: 7 L, khóm D, phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là 7 L, khóm D, phường S, thành phố Cần Thơ).

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/11/2024 cũng như tại phiên toà, nguyên đơn ông Thạch N trình bày: Ông với vợ chồng bà Huỳnh Thị Kim N1 là chỗ quen biết do đó vào khoảng năm 2014 đến năm 2015 ông có bán gạo lức, tấm, cám cho bà N1. Trong quá trình mua bán đến ngày 30/01/2016, hai bên chốt công nợ bà N1 còn nợ ông số tiền 86.000.000 đồng. Ông và bà N1 thỏa thuận chuyển số tiền trên sang nợ vay và bà N1 làm biên nhận vay của ông số tiền 86.000.000 đồng (biên nhận được lập vào ngày 30/01/2016) do ông viết ghi tên người vay tiền là ông Kiên T nhưng ông T không có ký vào biên nhận mà do bà Huỳnh Thị Kim N1 (vợ ông T) ký tên, hai bên thoả thuận lãi suất là 03%/tháng, mỗi tháng tiền lãi là 2.580.000 đồng. Tiền vốn trả dần. Đến ngày 02/3/2019, bà N1 trả cho ông số tiền gốc là 3.000.000 đồng và trả lãi đến ngày 29/01/2022 (trả nhiều lần) được số tiền là 19.170.000 đồng, việc trả lãi không có làm biên nhận, ông tự mở sổ theo dõi. Ông đã nhiều lần yêu cầu bà N1 trả số tiền nợ gốc và đóng đủ lãi cho ông nhưng bà N1 chỉ hứa hẹn mà không trả. Những vấn đề cụ thể ông yêu cầu Toà án giải quyết:

- Thứ nhất: Buộc bà Huỳnh Thị Kim N1 phải trả ông số tiền nợ gốc là 83.000.000 đồng (Tám mươi ba triệu đồng).

- Thứ hai: Buộc bà Huỳnh Thị Kim N1 phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền lãi theo pháp luật trên khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán dứt nợ với số tiền là 110.408.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 193.408.000 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm, ông N yêu cầu Toà án giải quyết:

- Thứ nhất: Buộc bà Huỳnh Thị Kim N1 phải trả ông số tiền nợ gốc còn lại là 83.000.000 đồng.

- Thứ hai: Buộc bà Huỳnh Thị Kim N1 phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền lãi trên khoản nợ gốc kể từ ngày 30/01/2016 đến ngày 23/5/2025 với số tiền là 58.248.165 đồng, cụ thể như sau:

Lãi suất tính từ ngày 30/01/2016 đến ngày 31/12/2016 là 86.000.000 đồng x 9%/năm x 11 tháng 01 ngày = 7.116.500 đồng.

Lãi suất tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 02/3/2019 là 86.000.000 đồng x 10%/năm x 26 tháng 01 ngày = 18.657.221 đồng.

Lãi suất tính từ ngày 03/3/2019 đến ngày 23/5/2025 là 83.000.000 đồng x 10%/năm x 74 tháng 20 ngày = 51.644.444 đồng.

- Tổng cộng tiền lãi là 77.418.165 đồng. Bà N1 đã trả được số tiền là 19.170.000 đồng. Số tiền lãi còn lại là 58.248.165 đồng.

- Tổng cộng vốn và lãi là 141.248.165 đồng.

Tại Tờ tường trình ngày 27/12/2024, bị đơn bà Huỳnh Thị Kim N1 trình bày: Bà không có vay tiền của ông Thạch N, chữ viết trong giấy nhận nợ không phải của bà, nên đối với yêu cầu của ông Thạch Na B không đồng ý.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cần Thơ) đưa vụ án ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 97/2025/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cần Thơ) đã tuyên như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thạch Na .

Buộc bà Huỳnh Thị Kim N1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Thạch N số tiền vốn và lãi nợ mua hàng là 141.248.165 đồng (trong đó tiền vốn là 83.000.000 đồng và tiền lãi là 58.248.165 đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Thạch N có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Huỳnh Thị Kim N1 còn phải trả lãi cho ông Thạch N theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời khai tại phiên tòa của các đương sự cho thấy cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến cũng như chứng cứ các bên cung cấp và trình bày. Do đó, Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào

kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Thạch N khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Kim N1 thanh toán số tiền theo Giấy nhận nợ lập ngày 30/01/2016, số tiền trên là số tiền ông N bán gạo lức, tấm, cám cho bà N1 nên cấp sơ thẩm đã xác định lại quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

Thứ nhất: bị đơn cho rằng không nhận bất kỳ văn bản tố tụng nào của Tòa án nhưng bản án cấp sơ thẩm lại nhận định đã tống đạt hợp lệ 2 lần cho bị đơn là không đúng. Xét thấy, tại Biên bản giao nhận chứng cứ ngày 30/12/2024 (bút lục số 15) tại Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng thể hiện bà N1 đã giao cho cán bộ Tòa án 01 Tờ tường trình, đồng thời tại bút lục số 13 Tờ tường trình của bị đơn ngày 27/12/2024 bà N1 trình bày bà có nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Như vậy, việc bị đơn cho rằng không nhận được bất kỳ văn bản tố tụng nào của Tòa án cấp sơ thẩm là không phù hợp.

Thứ hai: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà N1 phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ mua hàng còn lại là 83.000.000 đồng (Tám mươi ba triệu đồng) và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, ông Thạch N thừa nhận số tiền theo Giấy nhận nợ lập ngày 30/01/2016 thể hiện nội dung bà Huỳnh Thị Kim N1 có vay của ông N số tiền 86.000.000 đồng (T1 mươi sáu triệu đồng) là tiền bà N1 mua gạo lức, tấm, cám của ông chưa thanh toán xong, đến ngày 30/01/2016 hai bên chốt công nợ bà N1 còn nợ ông N số tiền 86.000.000 đồng (T1 mươi sáu triệu đồng). Sau đó, ông N và bà N1 thoả thuận chuyển số tiền trên sang nợ vay và bà N1 làm biên nhận vay của ông N số tiền 86.000.000 đồng (T1 mươi sáu triệu đồng), chứ thực tế hai bên không có việc vay tiền nhưng phía bị đơn cho rằng giữa các bên đương sự không có xác lập bất kỳ giao dịch nào nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay hay tiền mua hàng hóa là không đúng. Xét thấy, nguyên đơn chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bằng Giấy nhận nợ lập ngày 30/01/2016, Giấy nhận nợ này có chữ ký của bị đơn bà Huỳnh Thị Kim N1. Tại cấp sơ thẩm, phía bà N1 cho rằng chữ viết trong Giấy nhận nợ không phải của bà N1 nhưng vào ngày 14/3/2025, Toà án cấp sơ thẩm có ban hành Thông báo số 01/2025/CV-TA về việc yêu cầu giám định gởi cho bà N1 biết, nếu bà có yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký trong Giấy nhận nợ nêu trên thì bà phải làm đơn yêu cầu giám định gởi toà án, tuy nhiên hết thời hạn thông báo mà bà N1 vẫn không có đơn yêu cầu giám định gởi Toà án. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm bà N1 tiếp tục có yêu cầu giám định chữ ký của bà trong Giấy nhận nợ, cấp phúc thẩm cũng cho thời gian để bà N1 cung cấp chứng cứ nhưng bà N1 không giao nộp cho Toà án tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho rằng chữ ký trong Giấy nhận nợ trên không phải của bà N1 nên không có cơ sở xem xét cho yêu cầu kháng cáo của bà N1. Bên cạnh đó, tại phiên tòa sơ

thẩm, nguyên đơn cho rằng vào ngày 02/3/2019, bà N1 đã trả cho ông N được số tiền gốc là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và trả lãi đến ngày 29/01/2022 được số tiền 19.170.000 đồng (Mười chín triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng) rồi ngưng trả cho đến nay. Vì vậy, bà N1 đã vi phạm thoả thuận theo khoản 1 Điều 438 Bộ Luật dân sự năm 2005 và khoản 1 Điều 440 Bộ Luật dân sự năm 2015. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bà N1 phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ mua hàng còn lại là 83.000.000 đồng (Tám mươi ba triệu đồng) và lãi suất cho nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở xem xét cho yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Kim N1.

1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 97/2025/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cần Thơ).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn phải nộp 300.000 đồng án phí. Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000460 ngày 24/6/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phòng THADS khu vực 6 – Cần Thơ) thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 5 – Cần Thơ;
- Phòng THA DS khu vực 5 – Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Tuyết Mai